TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuân và ông Phạm Văn San

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Anh **Trần Đắc Q**, sinh năm 1981;
ĐKHKTT: thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 1985;
ĐKHKTT: thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ;
Chỗ ở: Thôn C, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1957 và bà **Nguyễn Thị M1**, sinh năm 1961.
Đều trú tại: thôn C, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
Anh Q có mặt, ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị M, bà M1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Trần Đắc Q trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tứ Kỳ ngày 21/9/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt. Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng thống nhất anh đi lao động để cải thiện kinh tế gia đình, chị M ở nhà nuôi con. Tuy nhiên chị M không biết cách làm ăn, lo toan, vun vén công việc gia đình dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đến đòi nợ.

Anh cũng đã cố gắng làm ăn gửi tiền để chị M ở nhà trang trải nợ nần nhưng cũng không thể hết được. Năm 2018, chị M đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm tự do lấy tiền trả nợ. Sau khi hết thời hạn lao động, anh về nước và nhiều lần liên lạc với chị M để bàn bạc dàn xếp chuyện tình cảm vợ chồng nhưng chị M cố tình không về gặp anh, trao đổi qua mạng xã hội, chị M có quan điểm nhất trí ly hôn và bảo anh cứ giải quyết một phía. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Đại C, sinh ngày 28/12/2006 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 20/7/2010, hiện nay cháu C đang ở với anh, cháu Q đang ở với ông bà ngoại. Cháu C có nguyện vọng xin được ở với anh, cháu Q có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh cũng nhất trí và tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh mới xin việc và làm công nhân, mức lương 7000.000 đồng/tháng và đang ở ngôi nhà mái bằng hai tầng trên đất thuê của UBND xã, có chỗ ở rộng rãi, đủ để bố con anh sinh sống.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, tham gia hòa giải thông qua đại diện gia đình là bố chị M, nhưng chị M không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q.

+ Kết quả làm việc với ông Nguyễn Văn T (bố chị M) xác định: Chị M, anh Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2016-2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Theo ông, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau trong cách sống, cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh Q đi lao động ở Đài Loan không gửi tiền về cho chị để chăm lo cho gia đình, chị M ở nhà làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều. Năm 2018, chị M đã đưa hai con về nhà ông bà ở và đi làm ăn tự do, không có địa chỉ cố định. Vừa qua, khi Tòa án giao các văn bản tố tụng, thông qua mạng xã hội ông có thông tin cho chị M biết về việc anh Q xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, chị M có quan điểm anh Q muốn ly hôn thì cứ làm một phía, chị M nhất trí ly hôn, nhưng hiện chị làm tự do trên tỉnh Hòa Bình, do công việc bận chị không về được. Vợ chồng có hai con chung, đối với cháu Trần Đại C có nguyện vọng được ở với bố, cháu Trần Thị Như Q có nguyện vọng được ở với mẹ, chị cũng nhất trí và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Trước mắt chị chưa về được, chị nhờ vợ chồng ông chăm sóc giúp, hàng tháng chị gửi tiền về cho vợ chồng ông nuôi con, một vài tháng tới thu sếp được công việc, chị về sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Trường hợp Tòa án giao cháu Q cho chị M nuôi dưỡng, vợ chồng ông nhất trí nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Q trong thời gian chị M không có nhà, khi chị M về sẽ trực tiếp chăm sóc cháu.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã M, trưởng thôn V, trưởng thôn C, xã M đều cung cấp: Anh Q, chị M được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương, quá trình

chung sống vợ chồng có xẩy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế. Chị M tiêu xài hoang phí, không biết vun vén, chăm lo cho gia đình, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau. Năm 2017 anh Q đi xuất khẩu lao động, chị M ở nhà một thời gian thì đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm tự do, hiện chị M vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Nay, anh Q xin ly hôn chị M và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 02 con chung là Trần Đại C, sinh ngày 28/12/2006 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 20/7/2010. Do các cháu đã lớn nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu và điều kiện thực tế của anh Q, chị M để giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho các con chung.

Ngày 13/02/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận chị Nguyễn Thị M không có thông tin cấp hộ chiếu và không xuất cảnh.

Tại phiên toà, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Trần Đắc Q được ly hôn chị Nguyễn Thị M; Về con chung: Giao cho anh Trần Đắc Q được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Đại C; giao cho chị Nguyễn Thị M được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị Như Q cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Trần Thị Như Q cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M1 nuôi dưỡng trong thời gian chị M không có mặt ở nhà. Anh Q, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Trần Đắc Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M1 được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị M, ông T, bà M1.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Đắc Q và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tứ Kỳ ngày 21/9/2004 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng

như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Theo anh Q trình bày, chị M không biết lo toan, vun vén công việc gia đình, chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đòi nợ từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Theo ông T bố đẻ chị M xác định, anh Q đi xuất khẩu lao động không gửi tiền về cho chị M để chăm lo cho gia đình, con chung, cộng với việc chị M làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều không trả được. Từ cuối năm 2018, chị M đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sau đó đi làm ăn tự do nay đây mai đó, vợ chồng không đoàn tụ với nhau. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định chị M hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã M, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, hiện đi làm ăn tự do. Anh Q đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã M xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi chị M đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho anh Q biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho anh Q trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, mặc dù chị M biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của anh Q nhưng chị M cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản tố tụng đã được Toà án giao cho người thân. Thông qua đại diện gia đình, chị M có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn anh Q. Tại phiên tòa anh Q vẫn cương quyết ly hôn, như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Q, chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Q được ly hôn chị M là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Đại C, sinh ngày 28/12/2006 và Trần Thị Như Q, sinh ngày 20/7/2010. Xét nguyện vọng của các con chung và quan điểm của anh Q, chị M thấy rằng: Cháu Trần Đại C có nguyện vọng được ở với bố, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Q nhất trí nhận nuôi cháu C và nhất trí để cháu Q ở với mẹ. Anh Q hiện đang làm cho công ty tư nhân, với mức thu nhập trung bình khoảng 07 triệu đồng/tháng, có nhà ở để bố con sinh hoạt, thuộc trường hợp đủ điều kiện nuôi con. Trong suốt thời gian anh Q không có nhà, cháu Q vẫn ở với chị M và ông bà ngoại, được chị M và ông bà ngoại chăm sóc đầy đủ, đảm bảo về sức khỏe, học tập. Đến nay, cháu đang có cuộc sống ổn đinh, mặc dù chị M hiện không có nhà là do điều kiện công việc, nên chị nhờ bố mẹ đẻ ông T, bà M chăm sóc hộ một thời gian, khi chị về sẽ trực tiếp chăm sóc cháu, ông T, bà M cũng nhất trí nuôi dưỡng, chăm sóc cháu trong thời gian chị M không có nhà. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần giao cháu Trần Đại C cho anh Q nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Như Q cho chị M nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Trần Như Q cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M nuôi dưỡng trong thời gian chị M không có mặt tại địa phương. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Q, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Q không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trần Đắc Q khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Đắc Q được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đắc Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Đại C, sinh ngày 28/12/2006, giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Thị Như Q, sinh ngày 20/7/2010 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm giao cháu Trần Thị Như Q cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M1 nuôi dưỡng trong thời gian chị M không có mặt ở địa phương. Anh Q, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Đắc Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai số AA/2021/0003223 ngày 21/12/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị M có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã M, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân